TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 7 - 2017
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hoà
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, năm 1985

Trú tại: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Long T, sinh năm 1986

Trú tại: Thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn ngày 14/3/2017, bản tự khai, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị và anh Trần Long T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Uỷ ban nhân dân xã Q, thị xã B) vào ngày 02/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng chỉ sống chung được 01 năm thì sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung: Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 12/01/2013. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T không có tài sản chung và cũng không nợ gì của ai cũng như không ai nợ vợ chồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhiều lần cho anh T nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q và theo lời khai của bà Nguyễn Thị T (mẹ anh T) cho thấy: Anh Trần Long T và gia đình đã nhận được đầy đủ các văn bản, giấy tờ do Tòa án tống đạt, tuy nhiên do bận công việc làm ăn nên anh T không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Ngày 12/6/2017, Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị T, anh T đến phiên toà vào ngày 27/6/2017, nhưng anh T vắng mặt nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 07/6/2017, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng anh T vẫn vắng mặt. Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân xã Q: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được Uỷ ban tống đạt hợp lệ cho anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Long T; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản

1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Phan Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phan Thị T có đơn yêu cầu ly hôn anh Trần Long T đề nghị Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Trần Long T được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Long T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Uỷ ban nhân dân xã Q, thị xã B) vào ngày 02/02/2012, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn dẫn đến không khí gia đình luôn nặng nề nên chỉ sống chung với nhau được 01 năm. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Xét thấy, tình cảm giữa chị T và anh T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Long T là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, chị Phan Thị T và anh Trần Long T có 01 con chung, tên là Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 12/01/2013. Hội đồng xét xử thấy rằng, con Trần Thị Cẩm D hiện tại đang còn nhỏ, đang ở ổn định với chị T, chị T cũng có nguyện vọng xin được nuôi con. Nên Hội đồng xét xử, căn cứ Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Thị Cẩm D cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Tại phiên Toà chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, xét thấy việc nuôi dưỡng con là trách nhiệm chung

của vợ chồng nên cần buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con trưởng thành, có khả năng tự nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị Phan Thị T và anh Trần Long T không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Trần Long T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Long T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Long T.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng Khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phan Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Cẩm D, sinh ngày 12 tháng 01 năm 2013. Buộc anh Trần Long T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng),* kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi con đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc chị Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.00 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002933, ngày 03/4/2017. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Trần Long T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Toà án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.